

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA PHÁP TẠI VIỆT-NAM

TIỀN BÁN THẾ KỶ THỨ 20

Ngô Thị Quý Linh

1. Xã hội Việt-Nam ngày nay vẫn còn mang những nét của nền văn hóa và văn minh Tây-phương. Ảnh hưởng của gần một trăm năm trong vòng bảo hộ của nước Pháp, từ năm 1858 đến năm 1945, vẫn còn kéo dài đến bây giờ.

Từ thế kỷ thứ 16 và 17, các giáo sĩ Âu-châu đã đến Đại-Việt để rao giảng Đức Tin mới là đạo Thiên-chúa. Tuy nhiên việc truyền đạo không phải luôn luôn dễ dàng và thuận lợi. Lắm khi giáo sĩ bị giết hay trục xuất, giáo đường bị đốt phá, nhưng không thấy có sự can thiệp của các quốc gia Âu Tây theo Thiên-chúa-giáo. Đó là do lúc ấy các nước Tây-phương chưa có chính sách rõ rệt về việc đi chiếm thuộc địa ở Viễn-Đông.

Chỉ khi mà Việt-Nam trở thành mục tiêu của chính sách thực dân, Đà-Nẵng mới bị đánh phá, Nam-kỳ bị chiếm. Năm 1858, triều đình Pháp ra lệnh cho Đề-đốc Rigault de Genouilly chỉ huy một đạo quân hỗn hợp Pháp và Tây-Ban-Nha tấn công Đà-Nẵng, hạ hai thành An-Hải và Tôn-Hải, rồi tiến vào Nam-kỳ, đánh Biên-Hòa, Gia-Định, Cần-Giờ.



Signature du Traité de Hué
La Guerre du Tonkin, L. Huard, Paris 1890

Hòa-ước Patenôtre ký năm 1884 là văn bản căn bản cho việc bảo hộ của Pháp ở Việt-Nam. Tuy nhiên, chỉ sau khi hiệp ước Fournier và Thiên-Tân ký với Pháp năm 1884 và 1885, thì Trung-Hoa mới chịu từ bỏ sự lệ thuộc của Việt-Nam vào Trung-Hoa, và đến lúc ấy Pháp mới thực sự đặt nền bảo hộ tại Việt-Nam.

2. Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao Pháp lại đem lực lượng hùng hậu đến tấn công nước Việt vào thời gian này. Theo như lịch sử cho thấy thì có thể có năm lý do:

- Lý do **bảo vệ đạo Thiên-chúa** là cái cơ đầu tiên để cho người Pháp hiện diện ở Việt-Nam. Nước Pháp dựa vào lý do hết sức chính đáng để bảo vệ các giáo sĩ rao truyền đạo Thiên-chúa không bị vua và triều đình nhà Nguyễn xử tử, bách hại.

- Thế kỷ thứ 19, các cường quốc Tây-phương nhắm vào thị trường Trung-Hoa lục-địa. Pháp không thể để cho uy thế của mình thua nước Anh và cường quốc khác, đồng thời muốn cản bớt nước Anh trong việc chiếm hữu thuộc địa.

Sự chạy đua giữa Pháp và Anh để bành trướng là một yếu tố thường xuyên cho sự bành trướng thuộc địa của Pháp.

-Các viên chức Hải-quân Pháp cần tìm một **địa điểm chiến lược ở Viễn-Đông** để lập những căn cứ hải-quân, neo tàu, bảo trì và sửa chữa các chiến thuyền. Việt-Nam nằm giữa con đường nối bán đảo Ấn-Độ, các nước trong vùng Đông-Nam-Á, Trung-Hoa và Nhật.

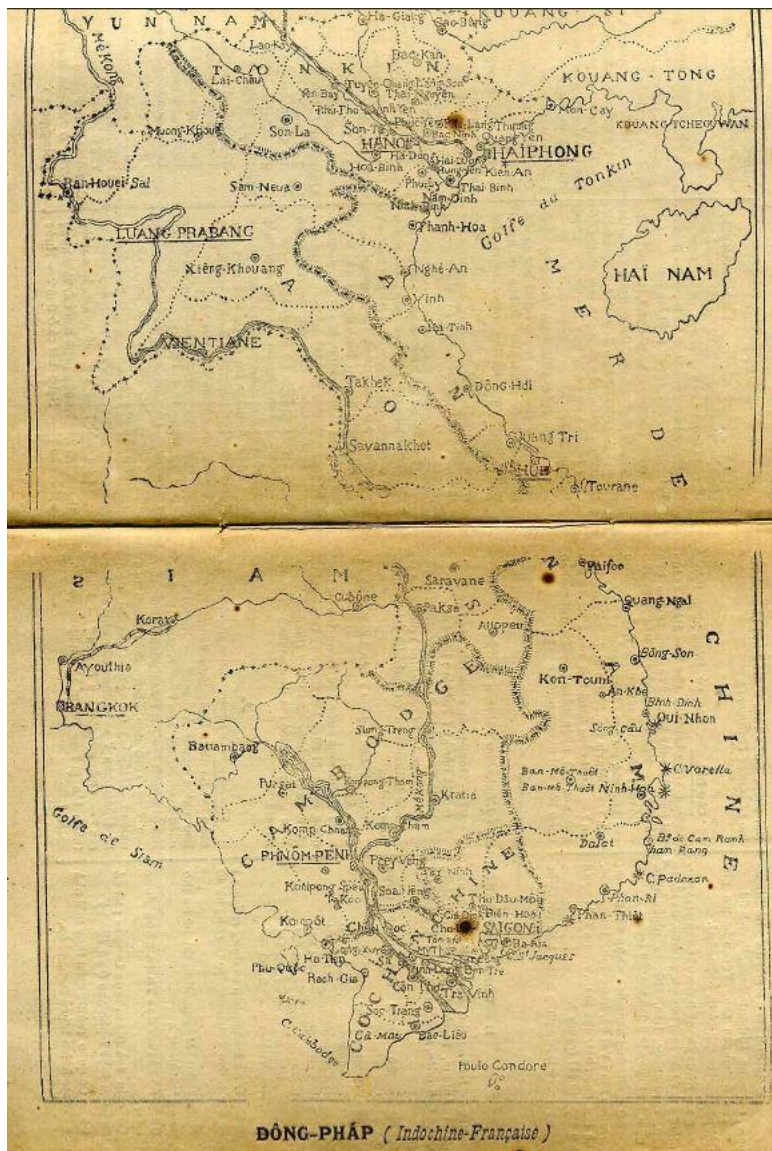
- Tuy nhiên chính **yếu tố kinh tế là yếu tố thuyết phục** người Pháp chiếm thuộc địa. Từ năm 1862, các nhà buôn Pháp đã đệ trình lên bộ Hải-quân Pháp dự án khai thác Đông-Dương. Nam-kỳ đất đai rộng, tài nguyên chưa khai thác, Bắc-kỳ dân cư đông và phí tổn lao động rẻ, chưa kể họ có thể tìm thấy ở Viễn-đông một thị trường để bán các sản phẩm của Pháp.

-**Sứ-mệnh khai-hóa “mission civilisatrice”**, đó là niềm hãnh diện của người Pháp, một dân tộc tự cho mình là văn minh, là “thượng-đẳng” (superior), muốn khai hóa cho những người dân mà họ cho là lạc hậu ở các thuộc địa.

Việc chiếm giữ thuộc địa dần dần có đủ cơ sở để tồn tại và phát triển: 1/ lý do bảo vệ tôn giáo, 2/ lý do chính trị, 3/ lý do chiến lược, 4/ lý do kinh tế và 5/ lý do nhân đạo. Những lý do này đủ mạnh để nước Pháp tin tưởng vào chủ nghĩa thực dân và bảo vệ đến cùng những vùng đất thuộc địa của họ.

3. Bản đồ Đông-Dương cho thấy 5 xứ Bắc-kỳ (Tonkin), Trung-kỳ (Annam), Nam-kỳ (Cochinchine), Căm-Bốt (Cambodge) và Ai-Lao (Laos) tạo thành Liên-bang Đông-Dương.

Tên Bắc-kỳ và Nam-kỳ có từ khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước năm 1802. Từ Bình-Thuận trở về nam gọi là **Nam-kỳ**, từ Thanh-Hóa trở ra bắc gọi là **Bắc-kỳ**. Ở miền Trung có Tả trực, Hữu trực, Tả cơ, Hữu cơ. Sau khi có Hòa-ước 1884, mới có tên **Trung-kỳ** tương đương với tên Annam là tên người Pháp dùng để gọi miền Trung của Việt-Nam.



Đông-Pháp (Indochine-Française)
Géographie, Imprimerie de Quignon (1926)

4. Người Pháp qua tiến trình thực dân hóa đã đem nền văn minh và văn hóa của họ vào Việt-Nam và đem đến sự thay đổi trong mọi lãnh vực: ngôn ngữ, tôn giáo, văn học, lịch sử, văn thơ, âm nhạc, luật pháp, chính thể, giáo dục, kỹ thuật, y khoa, kiến trúc, và trau dồi kiến thức của chúng ta về toán, khoa học, cơ khí, mỹ thuật.

Hoài Thanh và Hoài Chân đã nhận xét về ảnh hưởng của Pháp ở Việt-Nam như sau:

“Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô-tô, xe lửa, xe đạp ... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật-chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đừng tưởng tôi nguy biện, một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân-sinh, về vũ-trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan-niệm của phương Đông.”
(*Thi-nhân Việt-nam*, Sài-gòn, 1967)

5. Đời sống mới tại Đông-Dương

Trước khi người Pháp đến Việt-Nam, đa số dân chúng ở nơi làng quê, mỗi làng cách nhau bởi những cánh đồng lúa, bao bọc bởi một lũy tre xanh. Thành thị theo định nghĩa hiện đại chỉ thực sự thành hình theo sau sự hiện diện của người Pháp.

Sài-Gòn thời thuộc Pháp trở nên một thành phố đông đúc nhất ở Nam-kỳ. Hải cảng Sài-Gòn rất bận rộn nhờ ngoại thương, tàu bè xuất nhập cảng hàng hóa ra vào tấp nập.

Thành phố được chỉnh trang ngay ngắn: đường mở rộng, các nhà bằng lá trong châu thành bị triệt hạ để xây nhà theo kiểu Tây-phương. Các kinh lạch giữa thành phố bị lấp và trở thành những con đường lớn tráng nhựa. Dọc hai bên đường, trồng rất nhiều cây cao để lấy bóng mát và tạo cho thành phố thêm vẻ duyên dáng. Đèn thấp dầu được đặt dọc các đường phố.

Nếu bây giờ ở California chúng ta có Little Saigon cho người Việt thì thời đó Đông-Dương có Hà-Nội là “Paris nhỏ” của người Pháp.



HANOI. L'Hôtel Métropole

6. Về hành chính, Việt-Nam bị chia ra làm ba xứ: Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ. Mỗi xứ có một nền hành chính khác nhau. Nam-kỳ là xứ thuộc địa, Bắc-kỳ và Trung-kỳ là xứ bảo hộ. Tuy vậy, Bắc-kỳ bị gọi là “tòng-nghiêm bảo-hộ”, nơi đây vua nhà Nguyễn không còn quyền hành trên đất Bắc-kỳ. Kinh-lược-sứ Hoàng Cao Khải giữ quyền hành chính với sự cai trị gián tiếp của chính phủ bảo hộ.

Trên các công văn, chữ Pháp và chữ quốc-ngữ thay thế chữ Hán và chữ Nôm.

7. Jules Ferry, từng là thủ-tướng nước Pháp, đã mong nước Pháp sở hữu một đế quốc thuộc-địa vì Jules Ferry cho rằng: “Chính sách thuộc địa là con đẻ của chính sách kỹ nghệ.”

Gạo là thứ hàng xuất cảng đứng đầu của Đông-Pháp. Sau gạo, hai nông phẩm có giá trị là bắp, cao su và than từ mỏ than Hòn-Gay.

Việt-Nam là một thị trường cho các sản phẩm của Pháp và nhập cảng những đồ dùng của Pháp để tiêu thụ:

- về máy móc trong nhà thì có máy may, máy phát thanh, máy nhạc quay đĩa.
- phương tiện di chuyển: xe hơi, xe đạp, xe lửa.
- các thứ vật dụng hằng ngày hay trang trí: thuốc, ví, giày, nước hoa, mỹ phẩm, đồ chơi, đồ sứ (Limoges), đồ thủy tinh.

- thức ăn: phở mát, bánh mì, sữa bò, sữa bột trẻ em, bơ, rượu, trái cây, bột mì, nước uống, chocolat, kẹo bánh, ...
- các chất hóa học dùng trong kỹ nghệ, dược phẩm, ...



8. Người Pháp chủ trương: *Chinh phục quyền lực là nhờ sự chinh phục tinh thần.*

Người Pháp rất hãnh diện về văn hóa của họ và tự nhận mang sứ mệnh khai hóa: *mission civilisatrice*, đến các dân tộc lạc hậu. Họ nghĩ rằng nếu họ có thể biến đổi một nơi lạc hậu thành ra tiến bộ bằng văn minh Pháp, thì họ cũng có thể biến đổi dân thuộc địa thành ra “con người tuyệt đối” (l’homme absolu).

Người thực sự đem đến những thay đổi quan trọng cho nền giáo dục Việt-Nam là toàn-quyền Albert Sarraut. Trong giai đoạn này có hai cuộc cách mạng quan trọng xảy ra trên thế giới: cuộc cách mạng Tân-Hội (1911) ở Trung-Hoa và cuộc cách mạng Tháng Mười (1917) ở Nga.

Sarraut biết rõ là nếu không thay đổi học qui, thanh niên sẽ bất mãn, tìm cách ra ngoại quốc học vì họ không hài lòng với học chế hiện tại mà họ cho là không xứng đáng và không thích hợp.

Sau hai cuộc cách mạng ở Trung-Hoa và Nga, khoa cử nho học tại Việt-Nam với kỳ thi hội cuối cùng bị bãi bỏ vào năm 1918.

Chương trình học mới gồm có:

- Trường kiêm-bị có năm lớp;
- Bậc trung-học gồm bốn năm bổ-tập và hai năm chuẩn bị thi tú-tài phân một, học thêm một năm nữa để thi tú tài phân hai.
- Bậc cao-đẳng có các trường y khoa, luật khoa, công chánh.

Chương trình học dùng chuyển ngữ bằng tiếng Pháp và dạy rất nhiều giờ về Pháp-văn: dictée, vocabulaire, grammaire, composition française, lecture, récitation. Các môn học khác như physique, chimie, sciences naturelles, géographie đều dạy bằng tiếng Pháp. Mỗi tuần chỉ học một giờ về tiếng Việt hay lịch sử Việt-Nam.

9. Chính phủ mở trường dành cho trẻ em Pháp, trẻ em có quốc tịch Pháp, con các quan, con nhà thế gia: Lycée de Hanoi, sau đổi tên là Lycée Paul Bert, rồi Albert Sarraut. Ở trong Nam có Collège Chasseloup-Laubat và Ecole de Jeunes filles indigènes à Saigon.

Một số thanh niên Việt, về sau có tên tuổi trong xã hội, đã xuất thân từ Lycée Albert Sarraut (Hà-Nội) như: Phạm Văn Đồng, Vũ Ngọc Phan, Vũ Bằng, ... xuất thân từ Chasseloup-Laubat (Sài-Gòn) có Hồ Biểu Chánh, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch, Vương Hồng Sển,...



Hanoi – Lycée Albert-Sarraut

Từ năm 1925, học sinh Việt theo học bên Pháp phải có bằng tú tài Pháp. Những du học sinh ở Pháp về là những người đã được hưởng không khí dân chủ của Tây phương. Họ không có thái độ sợ hãi, khúm núm đối với các quan Pháp. Trong vòng 5 năm từ 1924 đến 1929, số du học sinh tăng gấp 10 lần. Chính phủ và triều đình Huế cấp học bổng cho học sinh. Phạm Duy Khiêm, con của Phạm Duy Tồn, anh của nhạc sĩ Phạm Duy, Nguyễn Thế Truyền, anh em Hoàng Xuân Hãn được học bổng của chính phủ bảo hộ. Nguyễn Tường Tam, nhà văn Nhất Linh, được học bổng của các quan trong Hội Như-Tây Du-học.

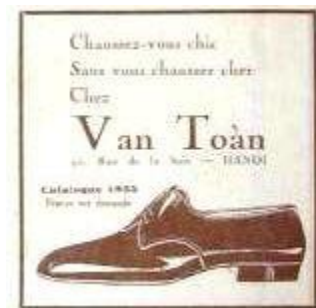
Trần Văn Chương đỗ tiến sĩ luật khoa ở Pháp, Phạm Duy Khiêm đỗ thạc sĩ về văn phạm, Hoàng Thị Nga, tiến sĩ vật lý, Nguyễn Tường Tam, cử nhân khoa học, Hoàng Xuân Hãn, thạc sĩ toán, Nguyễn Mạnh Tường có hai bằng tiến sĩ văn chương và tiến sĩ luật, Nguyễn Văn Huyền, cử nhân luật và sử địa, tiến sĩ văn khoa....

Hấp thụ văn hóa Pháp, có những người trở về nước, hoạt động chính trị như Nguyễn An Ninh, biết nghề in và làm báo như Nguyễn Tường Tam, hay thiết kế thời trang như họa sĩ Nguyễn Cát Tường.

10. Sự thay đổi về giáo dục đã đem đến nhiều thay đổi trong xã hội, dễ nhận ra nhất là thời trang.

Phụ nữ thay đổi cách phục sức. Họ để răng trắng, không nhuộm răng đen như trước. Mặt đánh phấn, bôi môi son. Áo dài may vải màu, theo kiểu họa sĩ Cát-tường chế ra. Phụ nữ đổi sang mặc quần trắng chứ không mặc váy đen. Họ đi giày cao gót, cầm ví đầm bằng da.

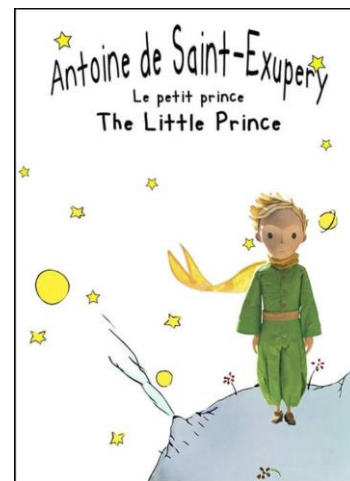
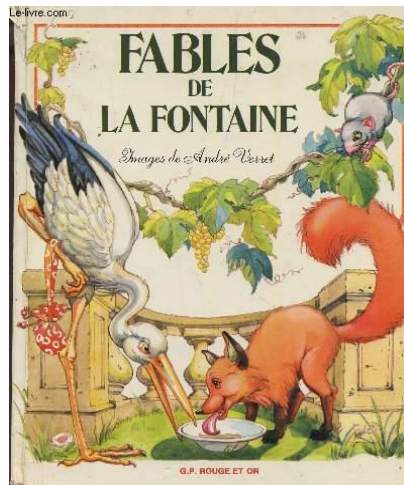
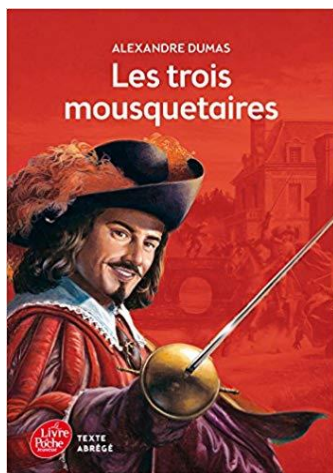
Nam giới mặc áo sơ-mi, đeo cò-ra-vát, đi bít-tát, mặc quần Tây thật thẳng nếp. Một quần áo và mũ thay đổi tùy theo mùa nóng lạnh. Họ không đi giày Gia-Định mà đi giày Tây.



11. Về ngôn ngữ, rất nhiều những thứ vật dụng, thức ăn của Pháp đã có tên trong tiếng Việt. Ví dụ: ga-ra (garage), xăng (essence), tem (timbre), bơ (beurre), xúp (soupe), xà-lách (salade), áo sơ-mi (chemise), cà-vạt (cravate), xi-măng (ciment), bê-tông (béton)...

12. Về văn học, ai học chương trình Pháp chắc cũng đã đọc qua những sách này: *Les Trois Mousquetaires* (*Ba chàng Ngự Lâm Pháo Thủ*) của Alexandre Dumas, *Fables* (*Ngụ Ngôn*) của La Fontaine, *Le Petit Prince* (*Ông Hoàng Bé*) của St-Exupéry, *Những Kẻ Khốn Cùng* (*Les Misérables*) của Victor Hugo, những kịch tác phẩm của Molière, Corneille, Racine, ... và những thơ văn của các văn thi hào Pháp: Lamartine, Alfred de Musset, Verlaine, Baudelaire, Balzac, Alphonse Daudet, Émile Zola, Gustave Flaubert, Anatole France, ...

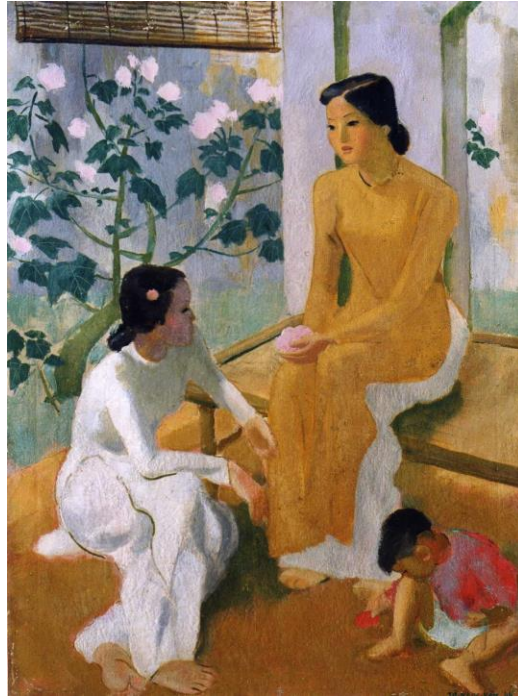
Học sinh tập lối viết văn minh bạch, giản dị, học những tư tưởng cởi mở và đa diện về chính trị, triết học, nghệ thuật trong nền văn hóa Pháp.



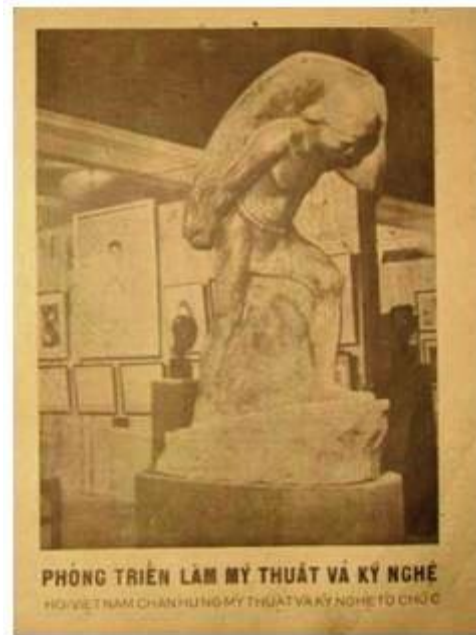
13. Khoa học: khoa học tự nhiên, toán, địa lý, lịch sử Pháp, vật lý, hóa học. Đây là những môn học mà từ trước khi người Pháp đến, người Việt mình chưa học bao giờ.

14. Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-Dương được thành lập ở Hà-Nội năm 1925, có Victor Tardieu làm giám-đốc trường. Ông vừa dạy vẽ vừa dạy điêu khắc. Nhiều họa sĩ thành danh và được giải thưởng của Âu-châu đã xuất thân từ Trường Cao-

đẳng Mỹ-thuật Đông-Dương, trong đó chúng tôi chỉ xin kể vài tên tuổi như Lê Văn Đệ, Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, ...



Tô Ngọc Vân



“Phòng triển lãm mỹ thuật và kỹ nghệ”
Ngày Nay số 3, 20 Février 1935

15. Về thức ăn của Pháp, chắc không phải nói nhiều, chúng ta ai cũng biết và thích các món ăn Pháp như bánh mì, croissants, pâté chauds, bánh flan, bánh choux, cà-phê, ... Mặc dù bánh mì là món ăn Pháp mà nay lại trở thành một thương hiệu nổi tiếng của Việt-Nam như Bánh mì Ba Lê. Các cửa hàng bánh mì Việt có mặt khắp nơi trên thế giới. Bánh mì không phải là món ăn Pháp nữa mà đã trở thành ra món Việt rồi! Còn phở bò thì rất nhiều người đồng ý là có nguồn gốc từ món “pot-au-feu” của Pháp.



Ăn bánh tây thắng của hiệu Vân Lan
Phong-Hóa số 28

16. Về rau cỏ, hễ có chữ “tây” ở phía sau một món rau thì đó là thứ rau từ Pháp đến Việt-Nam. Người Việt có sẵn loại rau đó nhưng vì rau Pháp có vài điểm khác, để phân biệt người Việt thêm chữ “tây” vào phía sau.

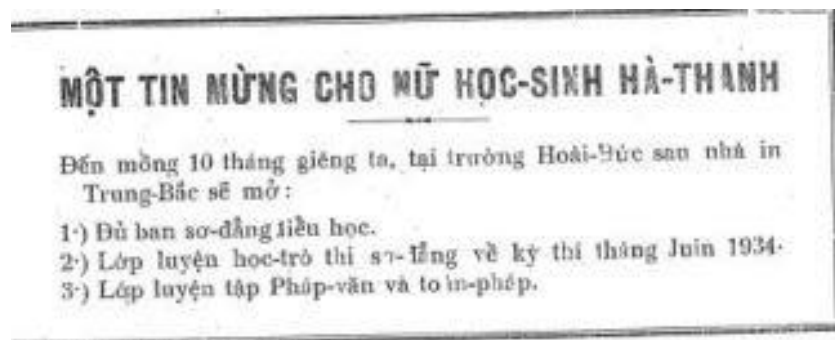
Do đó chúng ta có hành tây, để phân biệt với hành lá, hành hương của Việt-Nam, cần tây, khoai tây để phân biệt với rau cần và khoai lang của Việt-Nam, măng tây để phân biệt với măng ta, cà chua để phân biệt với các loại cà Việt-Nam không có vị chua, súp-lơ thì chúng ta dùng luôn tiếng tây là từ “chou-fleur.”

17. Ngày nay, chúng ta còn thấy khá nhiều kiến trúc của Pháp tại Việt-Nam. Ở Hà-Nội, có Nhà Hát Tây, xây cất giống như nhà hát ở Paris. Tại Sài-gòn, có nhà Xã-tây (Hôtel de ville) hay là tòa đô-chính, Nhà Hát Lớn ở Sài-gòn cũng có kiến trúc Pháp. Điều này cũng dễ hiểu vì kiến trúc sư Pháp là những người được giao cho việc vẽ họa đồ các công trình này. Nhà Hát Tây ở Sài-Gòn là do kiến trúc sư Victor Guichard vẽ. Người thiết kế Hà-Nội là kiến trúc sư Auguste-Henri Vildieu. Thiết kế thành phố Sài-Gòn được giao cho đại-tá công-binh Coffyn.



Hôtel de Ville à Saigon (Nhà Xã-Tây, Saigon)
 Họa sĩ Robert Boyle 1996
 Suu tập riêng

18. Nhờ chính sách giáo dục thuộc Pháp, phụ nữ được đi học. Số nữ sinh đi học càng ngày càng tăng lên kể từ đầu thế kỷ thứ 20. Ngoài những trường công dành cho nữ sinh như Ecole de jeunes filles indigènes, còn có các trường tư như trường Thăng-Long, trường Hoài-Đức, Pimprenelle, v.v...



Phong-Hóa số 88

Trường nữ-học lớn
Pimprenelle
61, Borgnis Desbordes, Hanoi
(gần bến Cầu Hàng - nước - Đền)
Có 45 học Cao-đẳng Tiểu-Học và Tiểu-Học Pháp-Việt

I - Khi các trường công, trường Pimprenelle chỉ nhận số 25 em mỗi lớp.
Đến học trường Pimprenelle theo đúng các giờ học các trường công.

vì trường Pimprenelle không phải là một
hàng buôn, nhưng là một trường học

II - Trường Pimprenelle không chịu đi một em nào học kém.
Các số "Pimprenelle" sẽ là những số học tốt giỏi.
Trường Pimprenelle sẽ gây cho phượng pháp mới, mới tha từ
và làm cho các em vui lòng học.
Các số giáo trường Pimprenelle sẽ là những người chỉ yêu mến
các em em, làm cho chúng ta biết làm lợi cho các em.

vì các cô giáo của nhà trường đều chung
một lý tưởng sắc son ngày nay, sẽ là những
người dân bà nhanh nhẹn, vui vẻ, học dạy
của xã-hội - ngày mai.

III - Học trò Pimprenelle, từ lớp năm trở lên sẽ được học nói
tiếng Pháp. Lúc đó các em cũng sẽ dự định được học học ở
trường. Các Olympiade sẽ gây vào em các số giống một người
đàn bà Pháp.

vì nói tiếng Pháp bây giờ là một sự cần dùng.

IV - Ăn nhấc lên vào tâm hồn thanh em. Trường Pimprenelle
sẽ như em như Phạm Đình Hưng và Nguyễn Đăng Cường (Cris- de
contrevallées) đã chỉ dẫn các em.

vì một người dân bà không biết ăn nhấc
thì chưa phải hẳn là người dân bà

V - Trường Pimprenelle sẽ tổ chức các cuộc đi chơi để các em
được tự do vui đùa, nhảy hát và để các em biết yêu mến những
cảnh đẹp vẫn thấy mà các em không biết ý.

vì sự gây yêu xanh xanh không học giờ
nên thờ cả

Trường Pimprenelle là một trường mà
các em vẫn mong mỏi.

Trường Pimprenelle là một trường mà
các phụ huynh hiểu thời vẫn chờ đợi.

Ti số học mà nhất trí học, nếu các em cần tự biết các giờ chỗ
ngày ở 155 Henri d'Orléans. Lập nghị hội bắt đầu năm 1914
thứ hai 7 Juillet 1914

“Trường nữ-học lớn Pimprenelle”
Ngày Nay số 179

Không ai còn ngạc nhiên khi thấy phụ nữ Việt-Nam có học cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Họ thay đổi cách ăn mặc, đi đứng, không nhuộm răng đen mà để răng trắng, họ thay đổi cả sự suy nghĩ nữa. Họ chơi thể thao, nhảy đầm, như người Tây phương.



Phong-Hóa

19. Chịu ảnh hưởng của giáo dục Pháp, giới trí thức có một quan niệm khác xưa về vấn đề hôn nhân và gia đình. Thang giá trị đối với phụ nữ không dựa theo tiêu chuẩn *tam tông tứ đức, công dung ngôn hạnh* như xưa. Căn bản của hôn nhân không còn là một vấn đề “môn đăng hộ đối” giữa hai gia đình hay hai dòng họ mà là tình yêu giữa hai cá nhân, đôi thanh niên nam nữ. Họ có thể rất lãng mạn, chỉ yêu mà không lấy, hoặc là sống với người yêu mà không có cưới hỏi.

Khi Tự Lực Văn Đoàn ra một loạt sách tiểu thuyết luận đề đã phá những quan niệm hôn nhân cũ và chế độ đại gia đình, họ được giới thanh niên nam nữ trí thức rất hoan nghênh. Những phong tục dị đoan trong hôn nhân, những sự xung đột mẹ chồng nàng dâu, những tập tục về tảo hôn, những quan niệm về trinh tiết bị đem ra làm mục tiêu đã phá. Nhờ đó mà tục đa thê bớt dần, tục tảo hôn thì tuyệt hẳn. Không còn cảnh con gái phải lấy chồng trẻ hơn mình để *gánh vác giang sơn nhà chồng* hoặc là cảnh *Bây giờ chồng thấp vợ cao, Như đôi đũa lệch so sao cho bằng*.

Người phụ nữ có học không chấp nhận phận thứ thiếp như trước. Đối với các cô, gia đình chỉ có một vợ một chồng và các con chung của nhau. Thanh niên tân học thường chỉ lấy một vợ. Các ông chồng có lãng nhãng cũng không dám đương nhiên lấy vợ lẽ, mà chỉ dám gặp lén lút mà thôi. Thực là trái hẳn với thời trước, người vợ cả phải đứng ra lấy vợ lẽ cho chồng.

Người vợ thường là người có học thức, nếu không ngang bằng thì cũng không thua kém chồng nhiều quá về đường học vấn như ngày xưa. Nhiều người vợ đồng thời cũng là người đồng chí hướng.

Đào Duy Anh lấy vợ làm cô giáo, nữ sĩ Như Mân. Vũ Ngọc Phan có vợ là thi sĩ Hằng Phương. Vợ của Thiệu-Son là nữ sĩ Ngọc Thanh.

20. Ở Việt-Nam, không những cả cha lẫn mẹ đều phải đi làm mà đời sống người dân ở thôn quê rất vất vả. Đời sống khốn khổ của người dân ở thôn quê ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống trẻ thơ miền quê.

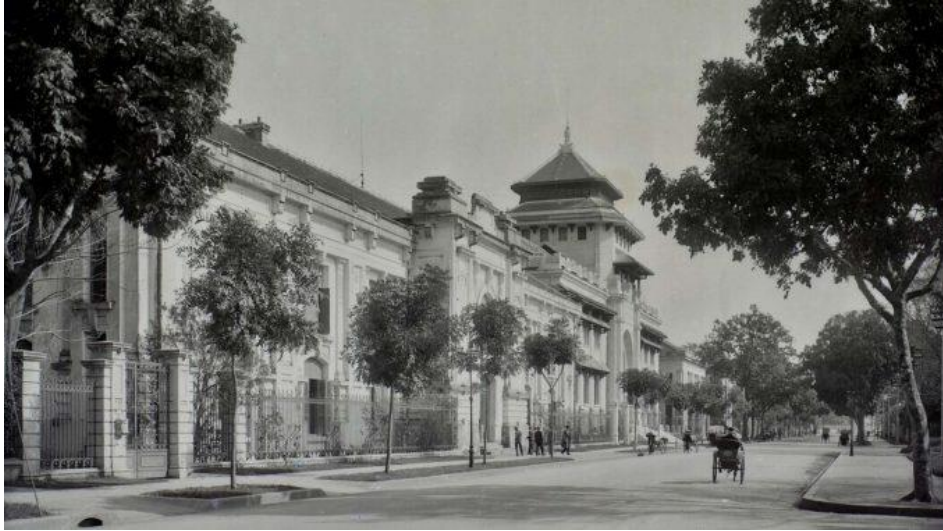
Nước Pháp từ lâu đã có chương trình chăm sóc trẻ em tuổi ấu thơ. Đầu thế kỷ thứ 20, người Pháp có “jardins d’enfants” mà chúng ta dịch ra là vườn trẻ, có các lớp “écoles maternelle” mà chúng ta dịch ra là mẫu giáo, có mục đích dạy trẻ em vệ sinh, kỷ luật, và chuẩn bị thành những công dân tốt.

Hội Khai-trí Tiên-đức đứng ra khởi xướng việc thành lập Ấu-trĩ-viên, cùng mục đích với các vườn trẻ Pháp, vào năm 1922 để cho trẻ em có hoàn cảnh thuận tiện phát triển trí đức và thể chất.

21. Trường Y-học Dược-học, được gọi nôm na là Trường Thuốc, được thành lập năm 1902 ở Hà-Nội, đào tạo y sĩ bản xứ, y sĩ trợ tá và dược sĩ với mục đích phục vụ dân chúng ở thuộc địa.

Giới tân học tin tưởng vào y khoa và khoa học Tây phương. Nếu bị đau ốm, họ đến bác sĩ chứ không để cho các ông “lang ta” chữa. Nếu có sinh con thì họ tìm đến các bác sĩ hay bà đỡ tốt nghiệp trường thuốc Đông-Dương.

Sự tin tưởng vào y khoa Âu Tây có thể hiểu được nhờ công cuộc phát triển y tế công cộng của chính phủ thuộc địa tại Đông-Dương. Phủ huyện đều có y tá trông nom vệ sinh. Năm 1891, viện Pasteur tại Sài-Gòn được thành lập với sự điều hành của bác sĩ Albert Calmette, viện Pasteur Nha-Trang thành lập năm 1895 do bác sĩ Alexandre Yersin điều hành. Ngạch y tế xã hội được thành lập để truyền bá và khuyên bảo dân chúng những điều thường thức về vệ sinh. Năm 1908 toàn thể dân chúng Đông-Dương được chủng ngừa đậu mùa theo phương pháp Jennerian.



Université de Hanoi, Faculté de Médecine



22. Phong tục thay đổi rất nhiều. Điều đầu tiên mà người Việt mình bắt chước người Pháp là không nhuộm răng đen nữa mà là để răng trắng tự nhiên. Vì để răng trắng nên người Việt bớt dần tục ăn trầu vì khi nhai trầu cau sẽ ra một chất màu hồng đỏ, làm cho răng trắng bị nhuộm màu trầu cau.

Hầu hết cả nam lẫn nữ đều cắt tóc ngắn. Theo phong tục ngày trước, tóc là của cha mẹ sinh ra, cho nên tóc dài lắm mới cắt tóc. Nam nữ ai cũng để tóc dài, rồi búi tóc hay vấn tóc. Khi người Pháp đến, người Việt mới nhận ra cắt tóc thì dễ giữ gìn vệ sinh hơn, không bị chấy rận bám vào tóc. Do đó, thành ra phong trào cắt tóc.

Khi gặp nhau, người Việt bắt tay chứ không cúi đầu chào như khi trước.

Người Việt, nhất là người có học ở thành thị, ăn mừng sinh nhật, ăn mừng lễ Giáng-Sinh, lễ Phục-Sinh dù đó là lễ của người công-giáo.

Tang lễ làm giản dị đi, bỏ minh tinh câu đối, bớt việc ăn uống, bỏ tục lăn đường, khóc lóc âm ỉ.

Người Việt theo thói quen của người Pháp, những lúc nghỉ ngơi, hay đi nghỉ hè, ra bãi biển, lên núi, đi thăm thú cảnh quan.

23. Từ cuối thập niên 1910, thể thao trở thành một phong trào rất thịnh hành. Phong trào thể thao phát triển nhanh chóng từ Nam chí Bắc. Từ năm 1922, chính phủ ban hành lệnh dạy thể thao trong các trường. Dân chúng quen dần với sinh hoạt thể dục và thể thao. Ở nhiều tỉnh, có hội thể thao, sân vận động, có hội bơi thuyền, hội quần vợt và hội đá bóng. Công chức, người già cả, phụ nữ đều ra sân tập các môn điền kinh và thể thao.

Phong trào thiếu nữ đi bộ rộ lên một đạo ở Hà-Nội.

Môn thể thao thịnh hành là chơi bóng vợt (tennis) và đi xe đạp. Môn chơi bóng vợt có tính cách trường giả, dành cho giới thượng lưu; đi xe đạp khá phổ thông trong giới thanh niên. Thanh niên dùng xe đạp để đi học, đi làm và đi chơi, rủ nhau đi thăm thắng cảnh trong vùng bằng xe đạp.

24. Một thứ giải trí bị chỉ trích nhất lúc ấy nhưng cũng lôi cuốn thị dân nhiều nhất là khiêu vũ. Khởi đầu, hai thanh niên du học ở Pháp về, mở hai tiệm nhảy ở Khâm-thiên (Hà-Nội). Sau đó số tiệm nhảy tăng lên. Thời ấy người ta cho rằng có biết nhảy mới gọi là “văn minh”.



Ngoài ra, thú giải trí nhập cảng vào Việt-Nam còn có phim câm (silent movie), sau đó là phim nói. Những buổi diễn kịch và hòa nhạc cũng thu hút đông khán giả. Thoại kịch là bộ môn nghệ thuật do người Pháp đem đến. Lúc đầu, có những buổi diễn của các đoàn kịch Pháp tại Nhà Hát Tây. Đầu thập niên 1920, Hội Khai-trí Tiến-đức cho diễn những vở kịch do Nguyễn Văn Vĩnh dịch, như vở *Người bệnh tưởng* (*Le Malade Imaginaire*), *Trưởng Giả Học Làm Sang* (*Le Bourgeois Gentilhomme*) của Molière.

Thanh niên say mê nghe nhạc Pháp và ca sĩ Pháp đến nỗi lập ra hội “Ái Tino”. Nhiều người học sử dụng các nhạc cụ Tây-phương như piano, mandolin, banjo, Hawaiian guitar, harmonica, accordion, saxophone, trống. Các nhạc sĩ tiền chiến Việt-Nam đều thuộc về thế hệ này. Văn Cao đã soạn nhiều bản nhạc với cây đàn guitare hawaienne, Phạm Duy thuở trẻ đã tập đánh đàn guitare.



25. Tôn giáo: Khi chính phủ thuộc địa nắm quyền, đạo Thiên-chúa được dịp phát triển, chính phủ cho phép xây nhiều nhà thờ: nhà thờ Đức Bà, nhà thờ Huyện Sĩ, nhà thờ Phát Diệm, thành lập nhiều trường đạo như trường Lasan Taberd, nhà dòng Saint-Paul, đường đường Chợ-Quán, lập các nhà thương do các sơ trông nom.

26. Những nhà tư tưởng Pháp ảnh hưởng sâu đậm đến các sĩ phu duy tân là Rousseau, Montesquieu, Voltaire. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã từng nhắc đến các triết gia Pháp trong các bài diễn thuyết hay tác phẩm của họ.

“Ông Montesquieu có nói: “Dân sống dưới quyền chuyên chế của nhà vua thì chẳng biết gì là đạo đức cả, chỉ lấy vị thế lớn nhỏ làm danh dự mà thôi; duy dân chủ mới thật còn đạo đức.” (*Đạo đức và Luân lý Đông Tây*, bài diễn thuyết của Phan Chu Trinh tại nhà hội Việt-Nam ở Sài-Gòn, 19 Novembre 1925)

Trên tạp chí *Nam-Phong*, Phạm Quỳnh đã giới thiệu về triết học nước Pháp bằng cách lược dịch quyển *La Philosophie française* của Henri Bergson. Phạm Quỳnh đã “Luận về Phương-pháp” dựa theo tư tưởng về “Phương-pháp luận” (*Discours de La Méthode*) của Descartes. Phạm Quỳnh đề nghị nên dùng phương pháp của Tây-phương để chinh đốn óc hỗn độn của Đông-phương mới có thể đem dân ta đến tiến bộ được. Phạm Quỳnh còn khảo cứu các nhà tư tưởng danh tiếng khác của Pháp như Charles Maurras, Auguste Comte, Maurice Barrès, đặc biệt là Ernest Renan. Phạm Quỳnh dựa theo phát kiến của nhà văn hào Pháp Ernest Renan để bàn về tinh thần lập quốc. Ông cho rằng nguyên tố để cho một quốc gia thành hình là hồn nước.

Ông nói: “... cái tinh-thần lập-quốc, cái quốc-hồn, là một mối thiêng-liêng mà cũng là một mối sinh-hoạt. Khéo gây-dựng thời nảy-nở phát-đạt, vụng chăm nuôi thời héo-hắt tòi-tàn. Cái công chăm nuôi gây-dựng ấy là cái công chung của cả quốc-dân.” (*Nam-Phong* Mars 1926)

27. Nhờ phương tiện truyền thông mới là báo chí, lớp trí thức tân học đã ảnh hưởng đến một số đông người hơn ngày xưa khi các bản văn truyện còn phải chép tay rồi truyền cho nhau đọc. Giới trí thức đã dùng báo, rồi về sau là sách, để truyền bá những tư tưởng của họ. Mọi tư tưởng của các nhà văn trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ thứ 20 đều xuất hiện qua báo chí. Sự nghiệp văn chương của Phạm Quỳnh gắn liền với *Nam-phong Tạp-chí* cũng như của Nguyễn Văn Vĩnh với *Đông-Dương Tạp-chí* và *Trung-Bắc Tân-văn*, của các nhà văn Tự Lực Văn Đoàn với *Phong Hóa*, *Ngày Nay* và sách họ tự xuất bản.

28. Trong khi biên dịch về “Nhân-quyền-luận”, Phạm Quỳnh giải thích nhân-quyền là gì, nhân-quyền từ đâu mà ra và gồm những quyền nào. Ông cắt nghĩa sự liên hệ của các quyền tự do, chẳng hạn như quyền tự do làm việc đưa đến quyền sở hữu. Ông chứng minh qua lời của các nhà tư tưởng Pháp, Anh sự liên đới của quyền sở hữu đối với quyền tự do.

Phạm Quỳnh còn viết những bài khảo cứu về chính trị, tìm hiểu chế độ lập hiến và chế độ đại nghị.

Hoàng Đạo, em của nhà văn Nhất Linh, bắt đầu mục *Công dân Giáo dục* trên báo Ngày Nay. Ông nhận xét rằng người dân trong nước khi trước chỉ là thần dân (dân của vua), từ khi văn hóa Tây phương được người Pháp đem vào Việt-Nam, người dân trong nước bắt đầu biết đến giá trị của “con người” và nhờ đó “thần dân” bắt đầu học làm “công dân”.

29. Jules Simon vừa là một triết gia vừa là một chính trị gia của Pháp. Ông lập hội *Tự do tư tưởng* (*Liberté de penser*) và viết rất nhiều bài luận về triết lý tự do. Phạm Quỳnh dịch một bài của Jules Simon về “Tự-do-luận” trong đó đại ý rằng: sự tự do không phải là một cứu cánh nhưng là một sự yếu cần. Muốn được hưởng tự do phải biết cái chân nghĩa của tự do. Phải có cái “tự do triết lý” (*liberté philosophique*) rồi mới có “tự do chính trị” (*liberté politique*).

Phạm Quỳnh cố gắng tìm định nghĩa cho một chính thể lý tưởng “vừa bảo tồn được những chế độ tập tục hay mà lại vừa biểu dương được công lý nhân quyền trong xã hội” để cho mỗi người trong xã hội “đều được cái địa vị làm người cho xứng đáng”. Trong các chính thể hiện đại, chính thể đại biểu được xem là hợp lý hơn cả vì với chính thể này người dân được quyền tự trị và tự ý lựa chọn người đại biểu thay mình thi hành quyền tự trị. Thuộc về chính thể đại biểu có chính thể dân-quốc hay chính thể cộng-hòa (*république*).

Hoàng Đạo nhận thấy nhiều người ở thành thị và thôn quê vẫn còn chưa biết những quyền lợi và nghĩa vụ của một người công dân cho nên ông muốn phổ biến đến họ những kiến thức mà một người công dân cần biết. Hoàng Đạo tin tưởng chính nhờ kiến thức về “công dân giáo dục” mà người dân sẽ tự làm cho đời họ được sung sướng hơn.

30. Lúc này, nho-giáo không còn giữ địa vị độc tôn về chính trị và đạo đức nữa mà trở thành một môn học như những môn học khác, có thể được đem ra khảo cứu, phê bình mà không dính líu gì đến chính trị.

Phạm Quỳnh giải thích về chủ nghĩa quốc gia trong nhiều bài viết đăng trên *Nam-Phong*.

Chủ nghĩa cộng sản được một số trí thức tìm hiểu. Tạ Thu Thâu chọn con đường của Đệ-tứ Quốc-tế, trong khi Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu theo Đệ-tam quốc-tế ngay từ ngày còn học ở Pháp.

Trương Tử Anh, cảm thấy nhu cầu có một ý thức hệ mới và đưa ra chủ nghĩa “Dân-tộc Sinh-tồn” (Surviventialisme), làm tôn chỉ cho Đại-Việt Quốc-dân-đảng.

31. Thời thế đã biến chuyển. Về chính trị, dân chúng đang thay đổi khuynh hướng. Họ chống lại mọi sự nắm giữ quyền hành của một người hoặc của một nhóm người được chọn lọc theo tư kiến, có đặc quyền, đặc vị.

Chế độ quân chủ lập hiến của Nhật-Bản được khảo sát tường tận vì nhiều lý do. Nước Nhật có vua mà Việt-Nam cũng có vua. Vua nước Nhật vẫn được tôn trọng, đồng thời chính thể chuyên chế được đổi ra lập hiến. Nếu vua nhà Nguyễn được chính phủ Pháp tôn trọng và đồng ý cho lập chính thể quân chủ lập hiến thì vua tuy còn ngôi vị nhưng không có quyền chuyên chế như trước vì sẽ có hiến pháp mà hiến pháp là đạo luật ấn định quyền hạn của mọi người trong nước, kể cả vị nguyên thủ.

32. Nho-giáo không còn địa vị độc tôn, uy thế của vua triều Nguyễn cũng không còn mạnh như trước, ý thức hệ nho-giáo đang bị đẩy lùi vào dĩ vãng. Dân chúng đang cần một ý thức hệ mới.

Rất nhiều đảng chính trị được thành lập trong giai đoạn này với chủ trương quốc gia hoặc cộng sản, chống sự trở lại của người Pháp.

Việt-Nam Quang-phục Hội

Đảng Lập Hiến

Việt-Nam Quốc-dân Đảng

Đảng Tân-Việt

Đại-Việt Quốc-dân đảng

Đảng Đại-Việt Duy-dân

Parti Annam de l'Indépendance

Việt-Nam Kách-mệnh Thanh-niên Hội

Đảng Cộng-sản Đông-Dương

Đảng Đại-Việt Dân-chính

Đảng Đại-Việt Quốc-xã

.....

34. Bất ngờ quân đội Nhật đảo chính Pháp ở Đông-Dương ngày 9 tháng Ba năm 1945. Nhờ sức mạnh quân sự, người Nhật đã giúp các xứ Đông-Dương thoát khỏi sự áp đặt của chính phủ thuộc địa. Chính phủ Nhật tuyên bố không có tham vọng chiếm lĩnh thổ Đông-Dương và trao trả độc lập cho các xứ Đông-Dương.

Lúc này, khi chủ nghĩa thực dân chấm dứt, tinh thần ái quốc lên cao.

Các đảng chính trị ra khỏi bóng tối và bắt đầu hoạt động.

Một tờ báo Pháp đã đưa ra câu hỏi: “Có phải con đường sang Pháp, là con đường chống Pháp?”, có nghĩa là: có phải các sinh viên học sinh sang Pháp học những quan niệm mới về dân chủ, tự do để rồi trở về với tinh thần chống Pháp?

“La route de la France, c’est la route de l’anti-France?”

© Ngô Thị Quý Linh

Tháng Chín năm 2019

Tham khảo:

Nam-Phong 1917-1934

Phong-Hóa 1932-1936

Ngày Nay 1935-1940

Lịch Sử Việt Nam thuộc Pháp (1858-1945), Ngô Thị Quý Linh, Hoa Kỳ 2002.

Việt Nam và Công Cuộc Duy Tân, Ngô Thị Quý Linh, Hoa Kỳ, 2019.